TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 303/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 198/2026/VHNST Ngày 28/01/2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Bà Nguyễn Thị A.Đ; sinh năm 1989; CCCD: 09XX;
Địa chỉ: Fx Ấp x, xã T, Thành phố H.

- Ông Nguyễn T. H; sinh năm 1984; CCCD: 07XX;
Địa chỉ: Fx Ấp x, xã T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại xã T, Thành Phố H nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2007 ngày 28/02/2007 do Uỷ ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố H (nay là xã T, Thành phố H) cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị A.Đ và ông

Nguyễn T. H là hợp pháp.

Căn cứ đơn yêu cầu, các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy: Bà Nguyễn Thị A.Đ và ông Nguyễn T. H kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn và do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Cả hai đã nhiều lần tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Hiện nay bà Đ và ông H xác định đã không còn tình cảm, không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa yêu cầu Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn để hai ông bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thái T (Nam); Sinh ngày 02/4/2007. Ngoài ra không có con chung nào khác. Do con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Hai bên cùng chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A.Đ và ông Nguyễn T. H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2007 ngày 28/02/2007 do Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thái T(Nam); Sinh ngày 02/4/2007. Ngoài ra không có con chung nào khác. Do con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Lệ phí Hôn nhân gia đình là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, bà Nguyễn Thị A.Đ và ông Nguyễn T. H chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số 0005865 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh cũ) nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn giữa bà Nguyễn Thị A.Đ và ông Nguyễn T. H có trách nhiệm ghi nội dung quyết định này vào sổ hộ tịch.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV10-TP. HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- UBND xã T, TP. HCM;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị T. H